

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52/NQ-CP

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15,
Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH 15 và
Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (Luật số 43/2024/QH15 ngày 29
tháng 6 năm 2024);*

*Căn cứ Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của
Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 8;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ
về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01
năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính
phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;*

*Căn cứ Báo cáo thẩm định Nhiệm vụ lập Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc
gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tổ chức ngày 17 tháng 02 năm 2025;*

*Xét đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 21/TTr-BTNMT ngày
24 tháng 02 năm 2025 và văn bản số 55/BNNMT-QLĐĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên quy hoạch, phạm vi ranh giới, thời kỳ điều chỉnh quy hoạch

a) *Tên quy hoạch*: Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) *Phạm vi ranh giới, thời kỳ điều chỉnh quy hoạch*

- Phạm vi ranh giới: Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được thực hiện trên phạm vi toàn bộ diện tích đất tự nhiên của cả nước.

- Thời kỳ điều chỉnh quy hoạch: Thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc

a) *Quan điểm*

- Việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất phải bảo đảm có tầm nhìn dài hạn, tổng thể, đáp ứng các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, nhất là giai đoạn 2026-2030; là quy hoạch tài nguyên đặc biệt, phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, làm cơ sở cho quy hoạch ngành, lĩnh vực có sử dụng đất; bảo đảm tính liên vùng, liên tỉnh, kết nối giao thông, hành lang kinh tế ven biển, trọng điểm và quốc tế; gắn kết hữu cơ giữa đô thị và nông thôn; giữa yêu cầu công nghiệp hóa với nhu cầu đô thị hóa trên phạm vi toàn quốc và từng địa phương.

- Việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất phải đảm bảo sự phát triển toàn diện, đồng bộ, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, tỷ lệ che phủ rừng; bảo vệ môi trường, các hệ sinh thái, di tích lịch sử, di sản thiên nhiên, danh lam thắng cảnh; giải quyết tốt nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực, đồng thời quan tâm đến các vấn đề xã hội, nhất là nhu cầu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số, phù hợp với đặc điểm phân bố dân cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số; định hướng cho không gian phát triển, khai hoang, lấn biển.

- Việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất dựa trên nguyên tắc thị trường để phân bổ nguồn lực đất đai chủ động linh hoạt nhằm khơi thông nguồn lực đất đai đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội.

b) *Mục tiêu*

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo các mục tiêu sau:

- Phân bổ hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực đất đai đáp ứng các yêu cầu tăng trưởng liên tục đạt hai con số, bảo đảm quốc phòng, an ninh, gắn với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo nền tảng để đến năm 2045 nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

- Đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước, trong đó ưu tiên cho việc phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị, duy trì hợp lý diện tích đất trồng lúa đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, chuyển đổi linh hoạt diện tích đất có hiệu quả thấp; đảm bảo diện tích đất các loại rừng, tỷ lệ che phủ rừng, hệ sinh thái tự nhiên, phòng chống thiên tai.

- Tiếp tục thực hiện khai hoang, phục hóa, lấn biển, đưa diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng; hạn chế tình trạng suy thoái đất; cải tạo, phục hồi diện tích đất bị thoái hóa gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

c) Nguyên tắc

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Phù hợp với bối cảnh tình hình mới và các quan điểm, chủ trương, chính sách của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhất là các chủ trương, chính sách đột phá về phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với việc sắp xếp các đơn vị hành chính để dự báo, xác định nhu cầu sử dụng đất.

- Phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, đảm bảo tính thống nhất, tính kế thừa, sự đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với các quy hoạch quốc gia, ngành quốc gia, chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nhanh bền vững, bảo đảm kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường; phù hợp với điều kiện, tiềm năng đất đai của từng vùng, từng địa phương. Đảm bảo việc xử lý chuyển tiếp trong thực hiện và điều chỉnh quy hoạch, tránh tạo ra khoảng trống gây khó khăn trong tổ chức thực hiện.

- Bảo đảm nhu cầu sử dụng đất hiệu quả trước mắt cũng như lâu dài cho các địa phương, các ngành, lĩnh vực; phân bổ sử dụng đất phải phù hợp, linh hoạt gắn với yêu cầu thực tiễn phát triển của đất nước, từng vùng, từng địa phương; bảo đảm tính liên kết liên vùng, liên tỉnh, gắn kết hữu cơ giữa đô thị và nông thôn, chuyển đổi nông thôn mới sang đô thị; gắn kết phát triển hạ tầng với quy hoạch dân cư, giữa công nghiệp hóa với đô thị hóa trên bình diện quốc gia và từng khu vực, địa phương.

- Sử dụng đất tiết kiệm và có hiệu quả; khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, độ che phủ rừng; bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

- Bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước, tăng cường phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính, công khai, minh bạch; ứng dụng khoa học, chuyển đổi số, phát huy sự đóng góp của các thành viên trong hệ thống chính trị trong lập, thực hiện quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đất đai.

3. Nội dung của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

a) Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu.
- Phân tích đánh giá bổ sung các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động và thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực.
- Tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất của cả nước và các vùng kinh tế - xã hội.
- Rà soát, cập nhật bối cảnh trong nước, quốc tế; các chủ trương, chính sách, định hướng phát triển mới của Đảng, Nhà nước để dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia 2021 - 2030.
- Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ điều chỉnh quy hoạch.
- Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn từ 30 đến 50 năm.
- Xây dựng phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030.
- + Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.
- + Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp (phân tích, dự báo, xác định diện tích đất trồng lúa đảm bảo yêu cầu về an ninh lương thực quốc gia, có tính đến xuất khẩu, khoanh định vùng chuyên canh trồng lúa; xác định diện tích đất các loại rừng bảo đảm tỷ lệ che phủ, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, trong đó khoanh định diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất là rừng tự nhiên); nhóm đất phi nông nghiệp (cân đối đảm bảo quỹ đất cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, tạo không gian phát triển mới trong bối cảnh sắp xếp các đơn vị hành chính, quốc phòng, an ninh,...) và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.
- + Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia và phân theo vùng kinh tế - xã hội, gồm: nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đất quốc phòng, đất an ninh.
- + Đánh giá tác động của phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia, phương án phân bổ, tổ chức không gian sử dụng đất đến kinh tế - xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh.
- + Giải pháp, nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.
- + Xây dựng hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ và lập hệ thống bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

+ Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

- Xây dựng báo cáo Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Đánh giá môi trường chiến lược của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Xây dựng dữ liệu Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học; tham vấn, lấy ý kiến cộng đồng.

5. Báo cáo xin ý kiến cấp có thẩm quyền về những vấn đề lớn: (i) Chi tiêu sử dụng đất trồng lúa đảm bảo mục tiêu an ninh lương thực; (ii) Chi tiêu sử dụng đất các loại rừng, đảm bảo tỷ lệ che phủ, yêu cầu về sinh thái; (iii) Thẩm quyền của Chính phủ trong quyết định điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đã được phê duyệt,...

6. Thẩm định và phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

7. Công bố công khai Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

8. Phương pháp thực hiện

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được triển khai theo phương pháp tiếp cận hai chiều (vĩ mô và vi mô), liên vùng, đa lĩnh vực, đa ngành, hệ thống, kế thừa với sự tham gia của các Bộ, ngành, địa phương và các chuyên gia; các đối tượng của điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 được đặt trong mối quan hệ tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực của nhiều yếu tố tác động đến việc sử dụng đất. Trong quá trình lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 sử dụng các phương pháp chủ yếu sau:

- Phương pháp điều tra thu thập khảo sát, khoanh vẽ bản đồ và đối soát thực địa;
- Phương pháp GIS trong chồng xếp bản đồ;
- Phương pháp tổng hợp, phân tích và xử lý số liệu;
- Các phương pháp toán kinh tế và dự báo;
- Phương pháp kế thừa;
- Phương pháp phân tích định tính và định lượng;
- Phương pháp kết hợp phân tích vĩ mô và vi mô;
- Phương pháp chuyên gia.

9. Thời hạn lập điều chỉnh quy hoạch

Thời hạn lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030,

tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện trong năm 2025 theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 Kỳ họp thứ 8 Quốc hội khoá XV ngày 30 tháng 11 năm 2024.

10. Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

a) Tờ trình của Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Nghị quyết của Quốc hội thông qua Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Báo cáo Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Báo cáo thuyết minh tổng hợp và báo cáo tóm tắt).

d) Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về điều chỉnh quy hoạch; bản sao ý kiến góp ý của Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý về điều chỉnh quy hoạch.

đ) Báo cáo thuyết minh Đánh giá môi trường chiến lược của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

e) Hệ thống bản đồ

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia, tỷ lệ 1/1.000.000 (bản đồ số và bản đồ in);

- Bản đồ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia tỷ lệ 1/1.000.000 (bản đồ số và bản đồ in);

- Bản đồ chuyên đề, gồm: bản đồ định hướng sử dụng đất các vùng kinh tế - xã hội tỷ lệ 1/250.000 (bản đồ số và bản đồ in) và bản đồ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên tỷ lệ 1/100.000 (bản đồ số).

g) Dữ liệu Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (bản số);

h) Các tài liệu khác có liên quan.

(Sản phẩm tại các điểm a, b, c, d và đ gồm bản giấy và bản số)

Các sản phẩm bản số về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được lưu trữ bằng USB.

11. Chi phí lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

a) Nguồn vốn thực hiện: các hoạt động kinh tế;

b) Giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt dự toán chi phí phù hợp với nội dung của Nhiệm vụ đã được phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan lập Điều chỉnh quy hoạch: Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện vai trò chủ đầu tư lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo trình tự, thủ tục rút gọn và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nghiên cứu đưa vào hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 nội dung trình Quốc hội cho phép trong trường hợp cần thiết để kịp thời đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh mà phải điều chỉnh theo hướng tăng, giảm không quá 10% chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đã được Quốc hội quyết định thì Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện việc đặt hàng cung cấp dịch vụ tư vấn lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tổ chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2. Các Bộ, ngành có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong việc cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ; chiến lược, quy hoạch phát triển của ngành có liên quan đến Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (bao gồm cả dự thảo). Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng đất; hiện trạng, biến động và kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025; đề xuất nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 và danh mục các công trình, dự án trọng điểm có sử dụng đất trong phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, số liệu của địa phương có liên quan đến lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng đất; hiện trạng, biến động và kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025; đề xuất nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 và danh mục các công trình, dự án trọng điểm có sử dụng đất.

4. Trong quá trình lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tổ chức tư vấn lập Điều chỉnh quy hoạch có thể tuyển chọn chuyên gia để thực hiện một số nội dung theo quy định của pháp luật.

5. Cơ chế phối hợp

Các Bộ, ngành và địa phương theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ thường xuyên trao đổi, cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý đảm bảo kịp thời về thời gian và tính chính xác về nội dung để tổ chức lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và tạo dữ liệu khung cho hệ thống thông tin và dữ liệu Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ trưởng các bộ; Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết, kịp thời báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Thành viên Hội đồng thẩm định (phụ lục kèm theo);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,
TGD Công TTĐT,
các Vụ : KTTH, PL, CN, KGVX, TCCV, TH;
- Lưu: VT, NN (1).₃₄

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
NHIỆM VỤ LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC GIA THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ)

1. Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà - Chủ tịch Hội đồng;
2. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Đỗ Đức Duy - Phó Chủ tịch Hội đồng;
3. Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Lê Minh Ngân - Thành viên;
4. Đại diện lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Thành viên;
5. Đại diện lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Thành viên;
6. Đại diện lãnh đạo Bộ Xây dựng - Thành viên;
7. Đại diện lãnh đạo Bộ Quốc phòng - Thành viên;
8. Đại diện lãnh đạo Bộ Công an - Thành viên;
9. Đại diện lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải - Thành viên;
10. Đại diện lãnh đạo Bộ Công Thương - Thành viên;
11. Đại diện lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ - Thành viên;
12. Đại diện lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thành viên;
13. Đại diện lãnh đạo Bộ Tư pháp - Thành viên;
14. Đại diện lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo - Thành viên;
15. Đại diện lãnh đạo Bộ Y tế - Thành viên;
16. Đại diện lãnh đạo Bộ Tài chính - Thành viên;
17. Đại diện lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông - Thành viên;
18. Đại diện lãnh đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Thành viên;
19. PGS.TS. Vũ Năng Dũng - Chủ tịch Hội Khoa học Đất Việt Nam - Ủy viên phản biện;
20. PGS.TS.KTS. Trần Trọng Hanh - Hội Kiến trúc sư Việt Nam - Ủy viên phản biện;
21. TS. Phạm Khôi Nguyên - nguyên Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường - Thành viên;
22. TS. Nguyễn Đình Bồng - Phó Chủ tịch Hội Khoa học Đất Việt Nam - Thành viên.